TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vanh Si Tha;
2. Bà Nguyễn Thị Mụi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 120/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXX- DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1988; địa chỉ cư trú: Số nhà 665, Kênh 9, tổ 06, ấp HT, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Ông Võ Thanh P, sinh năm: 1985; cư trú: Tổ 08, ấp TL, xã TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, bà L có mặt; ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2021 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông P được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KG, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 02/4/2014. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P không quan tâm đời sống vợ con, ông làm được tiền thì chỉ lo cho ăn nhậu, mọi việc trong nhà ông bỏ mặt bà lo, lại còn có tính cộc cằn với bà và quen biết với người phụ nữ khác... Bà vì muốn ông có

ngày thay đổi bản tính, để chung sống hạnh phúc cùng nuôi con, nhưng mong muốn của bà không có kết quả lại còn mâu thuẫn trầm trọng hơn, nên hai người ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông P.

Về quan hệ con chung: Bà với ông P có 03 con chung tên: 1/ Võ NY, sinh ngày 04/6/2007; 2/ Võ Thanh L, sinh ngày: 07/9/2008; 3/ Võ Hoài Â, sinh ngày 02/01/2014, hiện các con chung sống với ông P. Khi ly hôn bà đồng ý giao 03 con chung cho ông P tiếp tục nuôi, bà xin không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông P không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông P không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà L – ông P chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông P có không quan tâm đời đến bà L, làm được tiền ông không chi tiêu giúp gia đình mà thường xuyên ăn nhậu lại còn quen biết người phụ nữa khác…nên bà L xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, các con có ý nguyện tiếp tục chung sống với ông P, nghĩ nên công nhận. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà L khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với ông P, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông P có địa chỉ cư trú tại xã TT, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L - ông P kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 31 ngày 02/4/2014, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông P không quan tâm đời sống vợ con, ông làm được tiền thì chỉ lo chi xài cá nhân, khi vợ con bệnh ông không quan tâm, ông chỉ biết riêng mình, mọi việc trong nhà ông bỏ mặt bà lo, lại còn

có tính cọc cằn vơi bà và thường ăn nhậu và quen biết với người phụ nữ khác…bà và ông P ly thân đã lâu, gia đình đứng ra hàn gắn nhưng không thành…

Qua trình bày của bà L, mặc dù ông P vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 22/4/2021 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà L – ông P có mâu thuẫn từ hơn 04 năm nay, do hai người lên Bình Dương là công nhân, nhưng trong quá trình làm thì ông P có quan hệ quen biết với người phụ nữ khác mà cả hai và gia đình hàn gắn nhưng không thành, ông P kiên quyết ly hôn nhưng không làm đơn… bản thân người cung cấp sự việc xét thấy khã năng vợ chồng L – P chung sống lại là không thể…

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà L – ông P đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, 03 con chung tên: Võ NY, Võ Thanh L, Võ Hoài Â từ trước nay do ông P nuôi, tình cảm giữa ông P cũng như với ông bà nội thật sự gắn bó, ý nguyện của các cháu là khi cha mẹ ly hôn tất cả yêu cầu tiếp tục chung sống với cha. Do đó, để không xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu cũng như để các cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao 03 con chung cho ông P tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Thông qua bản án, HĐXX cũng giải thích cho ông P biết: Trong thời gian nuôi con, ông P cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông P không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà L khai, bà và ông P không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông P vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này ông P có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, nợ chung và ông P có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ly được L hôn với ông Võ Thanh P.

Về quan hệ con chung: Ông Võ Thanh P tiếp tục nuôi 03 con chung: 1/ Võ NY, sinh ngày 04/6/2007; 2/ Võ Thanh L, sinh ngày: 07/9/2008; 3/ Võ Hoài Â, sinh ngày 02/01/2014.

Công nhận tự nguyện của ông Võ Thanh P không yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002262 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà L nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã NTS, HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ